

Hướng dẫn tuyển sinh

Khóa học	Thời hạn nộp hồ sơ	Thời gian nhập học	Thời gian tốt nghiệp	Số học viên	Đối tượng
Khóa học 1 năm	Cuối tháng 6 ~ Trung tuần tháng 7	Tháng 4	Tháng 3	20 người	Du học sinh
Khóa học 1 năm 6 tháng	Cuối tháng 2 ~ Trung tuần tháng 3	Tháng 10		70 người	
Khóa học 2 năm	Cuối tháng 6 ~ Trung tuần tháng 7	Tháng 4		60 người	

Điều kiện nộp đơn

Phải đáp ứng tất cả các điều kiện từ ①~③ như bên dưới

Điều kiện nộp đơn①

Ý muốn học tập, mục tiêu, năng lực của ứng viên

1) Những người có mục đích rõ ràng và muốn tiếp tục học tập ở Nhật Bản.

2) Trong các kỳ thi kiểm tra năng lực tiếng Nhật (dưới đây gọi tắt là JLPT), J.TEST kiểm tra tiếng Nhật thực hành, NAT-TEST, tiếng Nhật cấp độ: Người đỗ đạt Hoặc người có thể nộp chứng chỉ học tiếng Nhật dài hơn 150 giờ do cơ quan giáo dục tiếng Nhật của quê nhà cấp

	JLPT	J.TEST	NAT-TEST
Khóa học 1 năm	N3	D	3
Khóa học 1 năm 6 tháng	N4/5	E	4
Khóa học 2 năm	N5	F	5

3) Người có thể tuân thủ luật pháp của Nhật Bản và các quy định của trường Nhật ngữ SBC Himeji

4) Người đã vượt qua kỳ thi tuyển sinh của trường Nhật ngữ SBC Himeji

5) Người khỏe mạnh cả về tinh thần và thể chất

Điều kiện nộp đơn②

Lý lịch của ứng viên

1) Người đã tốt nghiệp lớp 12 hệ chính quy hoặc bổ túc, hoặc những người dự kiến sẽ hoàn thành khóa học

2) Theo quy định không quá 35 tuổi

3) Người đã tốt nghiệp trường cuối cùng tính đến hiện tại không quá 5 năm

Điều kiện nộp đơn③

Khả năng tài chính

Người thiết lập	Hiệu trưởng	Số lượng học viên
Yamaguchi Hiroyuki	Maeda Kazunori	100 người

1) Có thể chi trả học phí và sinh hoạt phí tại Nhật Bản mà không phải trả hoãn

Ngày thành lập Khai giảng

Trình tự từ khi nộp hồ sơ cho đến khi nhập học

1/12/2017 1/10/2019

Liên hệ bằng email hoặc điện thoại

Nơi liên hệ và nộp hồ sơ

Nộp bằng tốt nghiệp cuối cấp, học bạ và hồ sơ chứng minh năng lực tiếng Nhật

〒670-0952 兵庫県姫路市南条425番地

Phòng vấn • Kiểm tra viết

SBC姫路日本語学院 事務局

Thông báo kết quả đầu, rút của kỳ thi nhập học

425 Nanjo, Himeji, Hyogo, Japan.

Nộp đơn xin nhập học, hồ sơ cần thiết

670-0952

Làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú

SBC Himeji Japanese Language Academy Secretariat

Được cấp giấy chứng nhận tư cách lưu trú

 hjla@jl-acad.com

Nộp học phí

 +81-79-240-6474

Gửi thư nhập học và giấy chứng nhận tư cách lưu trú

 +81-79-240-6574

Đăng ký xin visa

 hjla-acad

Đến Nhật và nhập học

Thời gian làm việc : 9:00 ~ 17 : 30 (Giờ Nhật Bản)

GIỚI THIỆU KHÓA HỌC

Thời gian học và mục tiêu								
Cấp độ	Sơ cấp	Sơ trung cấp	Trung cấp		Cao cấp			
	1	2	3	4	5	6	7	8
JLPT	N5	N4	N3		N2		N1	
Thời gian học	200	200	200	200	200	200	200	200
Thời gian học (tháng)	0~3	4~6	7~9	10~12	13~15	16~18	19~21	22~24
Kỳ học	1 năm (800 tiết)							
	1 năm 6 tháng (1200 tiết)							
	2 năm (1600 tiết)							
Chương trình học								
Cấp độ	Tiêu chuẩn chữ Hán		Tiêu chuẩn từ vựng		Mục tiêu đạt được			
Sơ cấp	150 chữ		1000 từ		Hiểu và diễn đạt được những hội thoại hằng ngày đơn giản. Tương đương trình độ tiếng Nhật cấp độ JLPT N5.			
Sơ trung cấp	450 chữ		1800 từ		Có thể đọc và viết các câu đơn giản, có năng lực hội thoại cần thiết cho cuộc sống hằng ngày. Tương đương trình độ tiếng Nhật cấp độ JLPT N4.			
Trung cấp	1100 chữ		5000 từ		Có thể đối ứng và giao tiếp được về các vấn đề thông thường. Tương đương trình độ tiếng Nhật cấp độ JLPT N3.			
Cao cấp	2000 chữ		10000 từ		Hướng đến mục tiêu hiểu rõ tiếng Nhật cho mọi vấn đề tổng hợp trong cuộc sống xã hội thường ngày. Tương đương trình độ tiếng Nhật cấp độ N2-N1.			
Thời khóa biểu								
Các tiết học được tiến hành trong 2 buổi, sáng và chiều.								
	Tiết thứ 1		Tiết thứ 2		Tiết thứ 3		Tiết thứ 4	
Buổi sáng	9:00~9:45		9:45~10:30		10:45~11:30		11:30~12:15	
Buổi chiều	13:00~13:45		13:45~14:30		14:45~15:30		15:30~16:15	
Từ 8:30 đến 17:30 khi trường mở cửa, học sinh có thể tự học ở thư viện và các phòng học trống.								
Các loại học bổng của trường								
①Giải nhất		Giảm 50% học phí cho nửa kì của năm tiếp theo			⑦Đạt 300 điểm trong kì thi Du học sinh		Trao 20,000 Yên	
②Giải nhì		Giảm 30% học phí cho nửa kì của năm tiếp theo			⑧Đạt 240 điểm trong kì thi Du học sinh		Trao 10,000 Yên	
③Giải ba		Giảm 20% học phí cho nửa kì của năm tiếp theo			⑨Đỗ vào đại học Quốc lập		Trao thưởng 10 vạn yên	
④Đạt được cấp độ N1 kì thi Năng lực tiếng Nhật		Trao 20,000 Yên			⑩Chỉ sinh viên đại học năm 4		Trao thưởng 5 vạn yên	
⑤Đạt được cấp độ N2 kì thi Năng lực tiếng Nhật		Trao 10,000 Yên			⑪Đi học đầy đủ 100%(6 tháng tỉ lệ đi học 100%)		Trao 5,000 Yên	
⑥Đạt được cấp độ N3 kì thi Năng lực tiếng Nhật		Trao 5,000 Yên			⑫Đi học chuyên cần(6 tháng tỉ lệ đi học 99% trở lên)		Trao 2,000 Yên	
Thời gian và phương thức khen thưởng học bổng của trường								
(1) ①~③ : 3 học viên được đánh giá xuất sắc nhất về học tập và thái độ có tỉ lệ chuyên cần đạt trên 98% trở lên trong thời gian học tập tại trường sẽ được khen thưởng khi tốt nghiệp								
(2) ④~⑥ : Học viên có tỉ lệ chuyên cần đạt trên 95% trở lên trong thời gian học tập tại trường sẽ được khen thưởng khi tốt nghiệp.								
(3) ⑨~⑫ : Khen thưởng chỉ được nhận 1 lần khi tốt nghiệp, đối với học viên có tỉ lệ chuyên cần đạt trên 95% trở lên trong thời gian học tập tại trường , tỉ lệ chuyên cần tham gia học kỳ cuối là 100%.								
(4) ⑪~⑫ : Khen thưởng sẽ được trao vào cuối học kỳ.								

Về các khoản thanh toán của học sinh

Lệ phí thi tuyển sinh và các khoản thanh toán (Học phí) (Đơn vị: Yên)				<Các khoản phí khác> Phí cơ sở•Phí trang thiết bị•Phí tài liệu giảng dạy Phí hoạt động ngoại khóa•Phí bảo hiểm (Bảo hiểm du học sinh•Phí kiểm tra sức khỏe) <Tiền ký gửi> Phí xin visa•Lệ phí thi JLPT•Phí đón sân bay•Phí giặt dép <Chú ý> •Nhất định phải dự thi các kỳ thi năng lực nhật ngữ JLPT. •Trong trường hợp lệ phí thi JLPT và lệ phí xin visa được sửa đổi, chúng tôi sẽ thu theo lệ phí thực tế. •Vui lòng thanh toán số tiền được chỉ định trong thời hạn quy định. Đối với những học sinh không thể nộp tiền đúng hạn, thì việc nhập học, thi lên cấp và tốt nghiệp có thể không được chấp nhận. Ngoài ra, trường hợp không thể nộp tiền sau khi nhập học có thể sẽ bị cho thôi học. •Bảo hiểm du học sinh có mức giá cố định bất kể thời hạn bảo hiểm.
	Khóa học 1 năm	Khóa học 1 năm 6 tháng	Khóa học 2 năm	
Phí xét hồ sơ	30,000	30,000	30,000	
Phí nhập học	50,000	50,000	50,000	
Học phí	630,000	945,000	1,260,000	
Các khoản phí khác	75,000	117,500	150,000	
Tiền ký gửi	11,000	24,500	32,000	
Tổng cộng	796,000	1,167,000	1,522,000	
Thanh toán năm đầu	796,000	809,500	817,000	
Thanh toán năm tiếp theo		357,500	705,000	
Thời hạn thanh toán				
1. Vui lòng nộp phí năm đầu tiên trong vòng hai tuần sau khi được thông báo kết quả cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (COE). Vui lòng nộp khoản thanh toán năm đầu tiên trong vòng 2 tuần sau khi trường thông báo kết quả tư cách lưu trú. Nếu học viên muốn chuyển vào ký túc xá, vui lòng thanh toán tiền ở ký túc xá nửa năm, chi phí ban đầu và tiền đặt cọc ký túc xá. Về nguyên tắc, tiền thuê nhà trả nửa năm một lần. Sau khi xác nhận thanh toán, trường sẽ gửi thư nhập học và giấy xác nhận tư cách lưu trú. 2. Khoản thanh toán cho năm tiếp theo Học sinh của khóa học 1 năm 6 tháng sẽ nộp tiền vào giữa tháng 9 của năm tiếp theo, còn học sinh khóa học 2 năm sẽ nộp tiền vào giữa tháng 3 của năm tiếp theo. Nếu có khó khăn trong việc thanh toán tiền học thì cần phải báo ngay với trường. Trong trường hợp có sự việc đặc biệt, trường có thể cho phép gia hạn thời gian thanh toán, nhưng nếu quá kỳ hạn được cho phép mà vẫn chưa nộp thì sẽ bị cho thôi học.				

TÀI KHOẢN NỘP TIỀN

Tên ngân hàng	伊予銀行 (Ngân hàng IYO)	Tên chi nhánh	姫路支店 (Chi nhánh Himeji)
BANK NAME	THE IYO BANK,LTD.	BRANCH NAME	HIMEJI BRANCH
Mã code	IYOBJPJT	Số tài khoản	1181000
SWIFT CODE		ACCOUNT NUMBER	
Ngân hàng code	0174	Loại tài khoản	Tài khoản thông thường
BANK CODE		TYPE OF ACCOUNT	ORDINARY ACCOUNT
Số chi nhánh	701	Tên chủ tài khoản	Công ty cổ phần SBC
BRANCH NUMBER		ACCOUNT NAME	SBC CO.,LTD
Địa chỉ và số điện thoại của chủ tài khoản ACCOUNT HOLDER ADDRESS, PHONE No.	ZIP CODE : 670-0940	Địa chỉ và số điện thoại của ngân hàng BRANCH ADDRESS, PHONE No.	ZIP CODE : 670-0917
	65 NISHINOMACHI SANZAEMONBORI HIMEJI HYOGO JAPAN PHONE : 079-240-6474		190 SHINOBUMACHI HIMEJI HYOGO JAPAN PHONE : 079-288-7575

《 Hoàn tiền thanh toán 》 Về nguyên tắc, thanh toán sẽ không được hoàn trả trừ các trường hợp sau.

1. Trong trường hợp đơn xin thị thực (visa) không được chấp thuận tại cơ sở ngoại giao nước ngoài (từ chối cấp phát)

Trường hợp bị gửi trả " Thư nhập học " và các giấy tờ chứng minh việc xin thị thực nhập cư không được chấp nhận thì ngoại trừ các khoản như: Phí xét hồ sơ (30,000 yên), phí nhập học (50,000 yên), phí hành chính (30,000 yên) và phí chuyển tiền thì các khoản phí khác sẽ được hoàn trả lại.

2. Trường hợp trước khi bắt đầu học kỳ mà bỏ học vì lý do cá nhân:

Sau khi xác nhận được hồ sơ chứng minh việc từ bỏ nhập học, trường hợp có trả lại " Giấy nhập học " " Giấy xác nhận tư cách lưu trú " thì ngoại trừ các khoản như: Phí xét hồ sơ (30,000 yên), phí nhập học (50,000 yên), phí hành chính (30,000 yên) và phí chuyển tiền thì các khoản phí khác sẽ được hoàn trả lại.

3. Trường hợp không hoàn lại

Với những trường hợp sau, chúng tôi sẽ không hoàn trả lại dù là với bất kỳ lý do nào, ngay cả khi đã nộp đơn xin thôi học.

- 1) Vi phạm luật pháp Nhật Bản và quy định của trường
- 2) Chuyển trường đến 1 trường học tiếng Nhật khác

KÝ TÚC XÁ

Địa điểm | Ký túc xá sẽ được chuẩn bị ở những khu vực gần trường.

Trang thiết bị | Nhà bếp, nhà vệ sinh, phòng tắm, máy điều hòa, tủ lạnh, máy giặt, nồi cơm điện, lò vi sóng, WIFI v.v...



Vật dụng | Rèm cửa, bộ chăn đệm, bình nước nóng.

ルール | Không thể rời ký túc xá trong một năm sau khi chuyển đến. Nếu rời khỏi ký túc xá trong vòng 1 năm, học viên sẽ phải trả 1 năm tiền ký túc xá được tính từ khi chuyển đến, tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 6 tháng tiền ký túc xá và chi phí hành chính. Việc ở ký túc xá của trường hay không là tự do lựa chọn của các bạn. Các bạn không được phép lựa chọn bạn ở cùng phòng với mình. Ký túc xá được ký hợp đồng 6 tháng một lần. Nếu chuyển ra khỏi ký túc xá thì phải báo trước từ 2 tháng trở lên. Chi phí tiện ích (điện, nước, ga) các bạn phải tự chịu theo thực phí. Ký túc xá không phục vụ bữa ăn. Vui lòng tuân thủ các nội quy quy định của ký túc xá, nếu không tuân thủ sẽ bị yêu cầu rời khỏi ký túc xá.

Chi phí ký túc xá bình quân đầu người

Loại phòng	nhà nguyên căn tách biệt	3 D K	3 D K	2 D K	Căn hộ 1 phòng
Số người quy định.	8~9 người	4~6 người	3 người	2 người	1 người
Chi phí ban đầu	50,000Yên				
Tiền đặt cọc ký túc xá	40,000Yên				
6 tháng tiền thuê nhà (ví dụ).	108,000Yên	108,000~120,000Yên	150,000Yên	180,000Yên	240,000Yên
Tổng cộng	198,000Yên	198,000~210,000Yên	240,000Yên	270,000Yên	330,000Yên

※Các chi phí ban đầu gồm: tiền đặt cọc - tiền lễ, phí môi giới, bảo hiểm cháy nổ, gia thiết bị. Về nguyên tắc không trả lại.

※ Tiền ký túc xá bao gồm chi phí dọn dẹp cần thiết khi ra khỏi ký túc xá, chi phí sửa chữa, nhiệt điện sinh hoạt đến yêu cầu sau khi ra trường, chi phí xử lý khi có sự từ bỏ đồ dùng cá nhân. Trường hợp không đủ tiền đặt cọc ký túc xá, bạn sẽ nhận được chi phí thực tế.

※Các loại phòng có thể không đạt yêu cầu.

Khác

Chăm sóc sức khỏe

① Bảo hiểm y tế quốc gia | Nếu ở Nhật từ 3 tháng trở lên, bạn nhất định phải tham gia. (khoảng 1.700 yen/tháng)

② Khám sức khỏe trong trường học | Tiến hành trong vòng 1 tháng sau khi nhập học Kể từ đó, tôi sẽ khám sức khỏe hàng năm một lần.

③ Bảo hiểm cho sinh viên quốc tế | Tham gia bảo hiểm cho sinh viên quốc tế để chuẩn bị trong một số trường hợp

※Việc áp dụng bảo hiểm cho sinh viên quốc tế là với điều kiện họ tham gia bảo hiểm y tế quốc gia.

Cuộc sống học sinh

Thiết bị | Có thể sử dụng phòng học của trường, không gian buổi nói chuyện, phòng y tế và Wi-Fi miễn phí.

Sự kiện | Trường có các chương trình học thêm, các sự kiện theo mùa và các sự kiện mang mục đích giao lưu quốc tế.

Hội ý | Chúng tôi thường xuyên tiếp nhận các buổi tư vấn cho bạn học tiếp, sinh hoạt hàng ngày, việc làm thêm và nhiều thứ khác.

Việc làm thêm | Nếu ngành nào được phép hoạt động ngoài tiêu chuẩn của Cục Xuất nhập cảnh thì được phép hoạt động trong phạm vi 28 giờ/tuần (8 giờ/ngày trong thời gian nghỉ dài) thì có thể làm việc bán thời gian. Tuy nhiên, học viện này không giới thiệu các em tới học viện một tháng sau khi nhập học là thời gian thích ứng và làm thêm. Ngoài ra, tôi không khuyến khích việc làm thêm vào ban đêm khuya cũng vì mức độ an toàn. Hãy thực hiện một cách lập kế hoạch sau khi tuân thủ pháp luật để việc làm thêm không gây trở ngại cho việc học của bạn.

Một tháng làm thêm và sinh hoạt phí (ví dụ).			Bình thường. 100,000Yên	Nghỉ phép dài hạn 140,000Yên
Chi phí sinh hoạt một tháng (ví dụ).	Tiền thuê nhà	18,000Yên	68,000Yên	
	Tiền ăn	25,000Yên		
	Chi phí nước nhiệt đới	10,000Yên		
	Khác	15,000Yên		
khấu trừ thu chi			32,000Yên	72,000Yên